

Bản án số: 68/2021/HS-ST

Ngày: 07 - 12 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN, TỈNH HÒA BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Cao Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Ôn
Ông Bùi Văn Thiệu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 64/2021/TLST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/HSST-QĐ, ngày 24/11/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 02/2021/TB-TA, ngày 01/12/2021 đối với bị cáo:

BÙI VĂN N, sinh ngày 20 tháng 4 năm 1991 tại Lạc Sơn - Hòa Bình. Nơi cư trú: Xóm T, xã Y, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Q và bà Bùi Thị N (đã chết); Bị cáo chưa có vợ con; tiền án: Không.

Tiền sự: Có 02 tiền sự; Ngày 20/9/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình áp dụng biện pháp xử lý hành chính Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 24 tháng (Quyết định số 20/QĐ-TA, ngày 14/6/2018); Ngày 29/3/2021 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình áp dụng biện pháp giáo dục tại xã 03 tháng (Quyết định số 39/QĐ-UBND, ngày 29/3/2021).

Bị cáo bị Cấm đi khỏi nơi cư trú. Ngày 24/11/2021 bị bắt để tạm giam trong vụ án khác (Quyết định khởi tố bị can số 72, ngày 22/11/2021 và Lệnh bắt bị can để tạm giam số 06, ngày 22/11/2021 của Cơ quan Điều tra Công an huyện Lạc Sơn). Được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1966. Trú tại: Xóm R, xã V, huyện Lạc

Son, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông Vũ Đình H – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Bùi Văn Q, sinh năm 1963. Trú tại: Xóm T, xã Y, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Bùi Thị Đ, sinh năm 1982. Trú tại: Xóm R, xã V, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 12/6/2021, Bùi Văn N điều khiển xe mô tô BKS 98F8-04xx đi từ nhà ở xã Y đến xã V, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình với mục đích trộm cắp tài sản. Bùi Văn N đội mũ lưỡi trai, đeo khẩu trang và dùng một khẩu trang khác che biển số xe. Khi đi đến địa phận xóm R, xã V, Bùi Văn N phát hiện thấy một túi xách màu nâu treo trên gương chiếu hậu bên trái một chiếc xe mô tô dựng ở lề đường của bà Bùi Thị H (bà Bùi Thị H đang làm việc dưới ruộng). Bùi Văn N đi qua khoảng 100m thì dừng lại quan sát thấy không có người qua lại, bên dưới ruộng cách khoảng 30m có hai phụ nữ đang mải làm ruộng. Bùi Văn N điều khiển xe đến gần vị trí chiếc túi, dùng tay trái cầm lấy chiếc túi xách rồi điều khiển xe bỏ chạy theo hướng xã Y. Đến khu vực cầu treo thuộc xóm B, xã N, huyện Lạc Sơn, Bùi Văn N dừng xe kiểm tra trong túi thấy có 1.580.000 (Một triệu, năm trăm tám mươi nghìn) đồng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung, loại A10S và một số giấy tờ cá nhân khác. Bùi Văn N lấy tiền và điện thoại còn túi xách và các giấy tờ khác vứt xuống suối bên dưới cầu treo rồi đi về nhà. Ngày 13/6/2021, Bùi Văn N đến Công an huyện Lạc Sơn đầu thú về hành vi trộm cắp của mình.

Vật chứng thu giữ và quá trình xử lý vật chứng: Vật chứng thu giữ tại giai đoạn điều tra gồm 01 xe mô tô BKS 98F8-04xx, nhãn hiệu Loncin, xe cũ đã qua sử dụng, không có gương chiếu hậu (kèm theo chìa khóa xe); 01 Giấy đăng ký xe mô tô số A0036xxx mang tên Dương Duy T; 01 điện thoại di động cũ đã qua sử dụng, nhãn hiệu Samsung, loại A10S màu đen, có ốp bằng nhựa dẻo. Đối với chiếc xe mô tô BKS 98F8-04xx và Giấy đăng ký xe đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự chờ xử lý. Đối với chiếc điện thoại di động, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là bà Bùi Thị H.

Tại kết luận định giá tài sản số 11 ngày 24/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lạc Sơn kết luận: Chiếc điện thoại Samsung, loại A10S có giá là 1.000.000 (Một triệu) đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là bà Bùi Thị H yêu cầu bị cáo Bùi Văn N phải bồi thường số tiền chiếm đoạt và tiền chi phí làm lại các giấy tờ cá nhân đã

bị bị cáo vớt bỏ tổng cộng là 3.650.000 (Ba triệu, sáu trăm năm mươi nghìn) đồng. Hiện bị cáo chưa bồi thường cho bị hại.

Tại Bản cáo trạng số 62/CT-VKS ngày 01/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình đã truy tố bị cáo Bùi Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa: Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung quyết định truy tố, tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo. Xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của BLHS. Có các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã đầu thú theo quy định tại điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 9 tháng đến 12 tháng tù. Về tang vật của vụ án: Đối với chiếc xe mô tô BKS 98F8-04xx và Giấy đăng ký xe thuộc sở hữu hợp pháp của ông Bùi Văn Q nên cần trả lại xe và giấy tờ xe cho ông Bùi Văn Q. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại theo yêu cầu của bị hại.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng phản ánh; bị cáo nhận tội, không kêu oan, chấp nhận mức bồi thường theo yêu cầu của bị hại và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Bị hại đều không có ý kiến gì về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, giữ nguyên yêu cầu của mình về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại nhất trí với nội dung cáo trạng và luận tội của Đại diện Viện kiểm sát; đề nghị áp dụng mức hình phạt như Kiểm sát viên đã đề nghị. Về trách nhiệm dân sự, tại phiên tòa bị cáo đã chấp nhận mức bồi thường như bị hại yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lạc Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên xác nhận là hợp pháp. Quá trình điều tra, truy tố những người tham gia tố tụng không có khiếu nại, tố cáo hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

[2] *Về căn cứ xác định tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo*: Ngày 12/6/2021 Bùi Văn N đã có hành vi lén lút, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản, chiếm đoạt chiếc điện thoại di động trị giá 1.000.000đ và 1.580.000đ tiền mặt, tổng cộng là 2.580.000 (Hai triệu, năm trăm tám mươi nghìn) đồng. Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của

mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tang vật thu giữ. Giá trị tài sản trộm cắp nằm trong khoảng từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng. Do vậy, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Bùi Văn N đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng truy tố bị cáo theo tội danh, điều khoản luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, năng lực chịu trách nhiệm hình sự của bị cáo:* Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có nhận thức và hiểu biết pháp luật nhưng coi thường pháp luật. Bị cáo nhận thức rõ hành vi trộm cắp là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động nên vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo có nhân thân xấu; đã từng bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và bị giáo dục tại xã nhưng không tiến bộ. Do vậy, cần áp dụng đối với bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo; cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích, đồng thời để răn đe và phòng ngừa chung.

[4] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:* Xét, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS 2015. Trước đó bị cáo chưa lần nào phạm tội. Lần phạm tội này bị truy tố ở khung hình phạt đến 3 năm tù nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS 2015. Ngoài ra, sau khi phạm tội, bị cáo đã đầu thú, bị cáo là người dân tộc thiểu số nên Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc giảm nhẹ trách nhiệm hình cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] *Về tang vật của vụ án:* Tang vật của vụ án là chiếc xe mô tô BKS 98F8-04xx và Giấy đăng ký xe thuộc sở hữu, chiếm hữu hợp pháp của ông Bùi Văn Q. Quá trình điều tra xác định ông Q không biết bị cáo N lấy xe đi trộm cắp tài sản, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại xe và giấy tờ xe cho ông Bùi Văn Q. Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại A10S đã được trả lại cho bà Bùi Thị H là đúng quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại Bùi Thị H yêu cầu bị cáo bồi thường khoản tiền chiếm đoạt và khoản chi phí cho việc làm lại các giấy tờ cá nhân tổng cộng 3.650.000 (Ba triệu, sáu trăm năm mươi nghìn) đồng. Xét, số tiền nêu trên có một phần do bị cáo chiếm đoạt, một phần là các chi phí cho việc làm lại các giấy tờ cá nhân của bà Bùi Thị H là cần thiết, đúng quy định của pháp luật và là thiệt hại thực tế từ hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo chấp nhận mức bồi

thường. Do đó, cần buộc bị cáo bồi thường cho bị hại Bùi Thị H tổng cộng 3.650.000 (*Ba triệu, sáu trăm năm mươi nghìn*) đồng là có căn cứ và thỏa đáng.

[8] *Về án phí*: Bị cáo là người bị kết án, bị buộc trách nhiệm dân sự nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự 2015;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Bùi Văn N 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

3. Về tang vật của vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Trả lại cho ông Bùi Văn Q 01 xe mô tô BKS 98F8-04xx, nhãn hiệu Loncin, xe cũ đã qua sử dụng, kiểu dáng Honda Dream, không có gương chiếu hậu (kèm theo chìa khóa xe); 01 Giấy đăng ký xe mô tô số A0036xx mang tên Dương Duy T.

(Vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình theo Biên bản giao nhận vật chứng số 07 và Phiếu nhập kho ngày 03/11/2021).

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 5 Điều 275, Điều 280 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Bùi Văn N có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Bùi Thị H số tiền 3.650.000 (*Ba triệu, sáu trăm năm mươi nghìn*) đồng là thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra ngày 12/6/2021.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của khoản tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo Bùi Văn N phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- Công an huyện Lạc Sơn;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi liên quan;
- Chi cục THADS huyện Lạc Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Cao Sơn